

Nghiên cứu thực trạng và chiến lược phát triển môn Bóng chuyền ở các trường đại học Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh

Trần Anh Đức, Trần Bá Phúc*

*ThS. Bộ môn GDTC Trường ĐH Ngân hàng TP Hồ Chí Minh

Received: 8/02/2024; Accepted: 16/02/2024; Published: 22/02/2024

Abstract: Using the method of literature, questionnaire and mathematical statistics method, carried out the investigation of volleyball status on 10 colleges in Ho Chi Minh city. By comparing the frequency of college students participating in volleyball sport, motivation, know ledge acquisition, volleyball course from and facilities and other aspects of the analysis, find the existing problem s, and put for ward the development countem easure, in order to promote the development of University volleyball in Ho Chi Minh city.

Keywords: University; volleyball; situation; strategy.

1. Đặt vấn đề

Bóng chuyền (BC) là một môn thể thao quan trọng trong trường học, giúp nâng cao phẩm chất thể chất và khả năng thể thao của sinh viên (SV) như sức mạnh, tốc độ, sức bền và phản ứng vận động, cải thiện trạng thái chức năng của các hệ thống cơ quan khác nhau của cơ thể, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện các phẩm chất tâm lý như sự linh hoạt, quyết đoán, bình tĩnh,.... BC trong các trường đại học được sử dụng làm phương tiện, lấy sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và phát triển toàn diện làm mục đích trực tiếp của hoạt động Giáo dục Thể chất (GDTC), đồng thời nâng cao chất lượng toàn diện của SV làm mục tiêu cuối cùng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu này đã chọn 10 trường đại học trong khu vực TP.HCM (Ngân hàng, Mỏ, Luật, Nông Lâm, Quản lý và Công nghệ, Sài Gòn, Công nghiệp, Công nghệ, Sư phạm TDTT, Sư phạm) để khảo sát, điều tra tình hình hiện tại của môn BC. 10 trường đại học này bao gồm các trường dạng tổng hợp, đào tạo nghề chuyên môn, thể thao. Hoạt động khảo sát có nhiều đối tượng SV và phạm vi phủ sóng rộng, có thể phản ánh ở một mức độ nhất định tình hình môn BC đại học tại khu vực TP.HCM.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tài liệu hóa: Tham khảo các trang web, sách và tạp chí định kỳ có liên quan về sự phát triển của BC và các biện pháp đối phó liên quan tại Thư viện Quốc gia; Tiến hành thu thập thông tin

toàn diện về tình hình hoạt động, phát triển BC ở các trường đại học khác nhau.

- Phương pháp khảo sát bằng bảng câu hỏi: Nghiên cứu thiết kế một bảng “Khảo sát bằng câu hỏi về mối quan hệ giữa SV với phương tiện truyền thông và BC” (có kiểm tra độ tin cậy và tính hợp lệ của bảng). Tổng 600 bảng khảo sát đã được phát ra, thu về =566 bảng hợp lệ, tỷ lệ thu hồi hiệu quả =94.3%.

- Phương pháp thống kê toán học: Thông kê được tiến hành bằng Excel và SPSS22.0.

2.2. Kết quả và phân tích

2.2.1. Tần suất tham gia học, tập BC của SV khu vực TP.HCM

Trong số 566 SV tham gia khảo sát, có 60 SV chọn “thường xuyên” tham gia học, tập BC =10.6%; 206 SV chọn “thỉnh thoảng” =36.4%; “ít khi” với 229 SV =40.5%; 71 SV chọn “không hề” =12.5%. Qua số liệu có thể thấy chỉ một bộ phận nhỏ SV chưa từng tham gia học, tập BC nhưng cũng chỉ có 60 SV thường xuyên tham gia học, tập BC, cho thấy đa số SV chỉ thỉnh thoảng hoặc hiếm khi tham gia học, tập BC.

2.2.2. Động lực tham gia học, tập BC của SV khu vực TP.HCM

Kết quả khảo sát cho thấy, có 240 SV (=42.4%), SV tham gia học, tập BC nhằm nâng cao “kiến thức thể thao mới”. SV ngày nay đây tò mò về những điều mới mẻ và nhiều điều mới có thể dễ dàng thu hút sự chú ý của họ. Hiện tượng này không chỉ thể hiện ở môn BC mà còn phản ánh tình trạng tương tự ở nhiều môn thể thao như “parkour”, “trượt patin”,... đang thu hút sự chú ý của nhiều bạn trẻ; 237 SV (=41.9%), chọn “chú ý đến các sự kiện thể thao mới nhất”. Thi

đầu thể thao vẫn là một trong những nội dung được SV quan tâm nhất hiện nay. Sự đổi mới trong thi đấu BC nữ Việt Nam đã thu hút một lượng khán giả lớn, nhưng truyền thông lại rất hiếm khi đưa tin về các sự kiện BC đại học; 26.3% SV chọn “tìm kiếm sự giải trí”. Là môn thể thao tập thể, BC có nhiều ưu điểm không thể so sánh với các môn thi đấu đơn về mặt đối kháng trực tiếp, tuy nhiên lại không chỉ tăng sự gắn kết trong đội mà còn vun đắp tình cảm, khiến người tham gia vui vẻ về thể chất và tinh thần khi rảnh rỗi với bạn bè.

2.2.3. Thực trạng tiếp thu kiến thức của SV khu vực TP.HCM qua giờ học BC

Khảo sát cho thấy, 189 SV (=33.4%) cho rằng nội dung chương trình trong các lớp BC chính quy không thể đáp ứng được nhu cầu học tập của các SV; 257 SV cho rằng nội dung chương trình trong các lớp BC chính quy đáp ứng nhu cầu ở mức trung bình (bảng 2.1).

Bảng 2.1. Đánh giá nhận thức nhu cầu liên quan đến nội dung chương trình trong các lớp BC chính quy của SV khu vực TP.HCM

Đánh giá	n	%
Có hiệu quả tốt	63	11.1
Mức trung bình	257	48.6
Không thể đáp ứng	189	33.4
Không có ý kiến	39	6.9
Σ	566	100

2.2.4. Mục đích tham gia học tập BC của SV khu vực TP.HCM

Mục đích của hầu hết SV tham gia học, tập luyện BC là để làm phong phú thêm đời sống ngoại khóa (286 SV =50.4%), rèn luyện thể chất (137 SV =24.1%), tăng cường giao tiếp (75 SV =13.5%), và ý kiến khác (68 SV =12.0%). Từ góc độ mục đích của SV tham gia học, tập BC, không chỉ hiệu quả rèn luyện thể chất và nâng cao chức năng tim mạch của hoạt động tập luyện BC đã được xác nhận, các yếu tố giao tiếp và giải trí cũng được chú ý hơn, dẫn đến sự mở rộng hơn về số và chất lượng môn BC trong các trường đại học khu vực TP.HCM.

2.2.5. Mô hình lớp học BC trong các trường đại học khu vực TP.HCM

Kết quả khảo sát cho thấy, môn BC được đưa vào chương trình GDTC chính quy ở 10 trường đại học, tuy nhiên hầu hết là môn tự chọn, chỉ có 3 trường dạy theo hình thức bắt buộc. Có chuyên ngành BC, có 2 trường đào tạo chuyên ngành thể thao. Việc đào tạo chuyên ngành BC được xác định còn hạn chế trong

việc tận dụng tối đa các nguồn lực giáo dục để phát triển theo hướng nâng cao, thêm vào đó, hạn chế về số lượng cũng dẫn đến trạng thái phát triển phong trào BC còn chưa đáp ứng nhu cầu tổng thể. Hình thức đào tạo cơ bản lựa chọn song hành cả hai hình thức BC đa và BC hơi, việc áp dụng tùy từng đơn vị và xu hướng lựa chọn nhiều hơn về hướng HC hơi.

2.2.6. Điều kiện cơ sở vật về BC trong các trường đại học khu vực TP.HCM

Kết quả khảo sát cho thấy trong số 10 trường đại học được khảo sát có 4 trường có sân BC trong nhà và 8 trường có hơn 2 sân BC ngoài trời; Sự phân bố cơ sở vật chất liên quan đến các điều kiện học, tập luyện môn BC ở các trường đại học không đồng đều, số địa điểm sân bãi tập luyện cho mỗi SV trên tổng số là rất nhỏ.

Trong những năm gần đây, với sự phát triển kinh tế nhanh chóng ở TP.HCM, số lượng, chủng loại và chất lượng các cơ sở thể thao ở các trường đại học đã được cải thiện rất nhiều, tuy nhiên do nguồn kinh phí đào tạo và mối quan tâm của của mỗi cơ sở khác nhau nên có sự chênh lệch lớn về đầu tư thể thao nói chung ở mỗi trường học, điều này đã ảnh hưởng đến việc xây dựng và chất lượng các cơ sở thể thao ở các trường đại học. Việc thiếu sân BC đã trở thành nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sự phát triển của BC đại học ở khu vực TP.HCM.

2.2.7. Chiến lược phát triển BC cho SV đại học khu vực TP.HCM

a. Đổi mới giảng dạy

- Đổi mới nội dung tài liệu giảng dạy: Tài liệu dạy học các môn tự chọn BC ở các trường đại học cần phải lựa chọn nội dung có cấu trúc và phương pháp kỹ thuật hành động tương đối đơn giản, gây hứng thú và có tính thực tiễn cao, tập trung nâng cao khả năng tham gia học và tự tập luyện môn BC của SV hướng đến mục tiêu cơ bản là đạt được các giá trị lợi ích tăng tiến về thể lực, chức năng thể chất để tăng cường các năng lực, tố chất vận động.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy: Giảng dạy BC cấp đại học có thể hạ chiều cao của lưới xuống tương đương 20cm (sử dụng chiều cao lưới là 2.23m đối với nam và 2.04m đối với nữ) để SV bình thường (hạn chế về chiều cao) cũng có thể trải nghiệm những giá trị lợi ích và cảm xúc tham gia thể thao cũng như những giá trị trải nghiệm thành công trong việc thực hiện các kỹ thuật thi đấu thành công và các giá trị giải trí đạt được sau tập luyện, thi đấu. Các nhà giáo dục có thể linh hoạt sửa đổi luật thi đấu cơ bản (áp dụng phạm vi hẹp) và có những sửa đổi phù hợp theo

nhu cầu của trận đấu như cho phép các trận đấu đôi, nói lỏng thang hình phạt chạm lưới, đánh bóng qua lưới, giữ bóng,...

b. Tăng cường các giải thi đấu BC giao hữu các cấp lớp, trường, đội tuyển,...

Các trường đại học khu vực TP.HCM rất hạn chế trong việc thường xuyên tổ chức thi đấu và học tập BC, cần tăng cường cạnh tranh, giao lưu trong, ngoài trường và giữa các trường đại học để tạo thêm cơ hội học tập lẫn nhau. Các trường đại học cần tổ chức thêm các giải BC như giao hữu, mời thi đấu, thi đấu thử nghiệm để hình thành cơ chế giao hữu lâu dài, từ đó trực tiếp bồi dưỡng đội ngũ hiện có về năng lực chuyên môn, tăng cường số lượng người hâm mộ BC, mở rộng dân số bóng chuyền, khơi dậy niềm đam mê học BC của SV, tạo ra các dự luận và sự quan tâm chung về BC,... tổng hợp các yếu tố trên sẽ có tác dụng tuyên truyền tích cực trong các trường học, từ đó thúc đẩy việc phát huy các giá trị đạt được từ môn BC trong các môn thể thao trường học.

c. Điều chỉnh, thay đổi một số giá trị cơ bản để BC vừa đảm bảo yếu tố thể thao hàn lâm vừa mang tính cạnh tranh, giải trí

BC muốn phát triển bền vững ở các trường đại học thì phải vừa mang tính cạnh tranh (dành cho SV có năng khiếu thể thao, thích thi đấu và thể thao thành tích cao) vừa mang tính giải trí (có tính đại trà và yếu tố giải trí chủ đạo). Do ảnh hưởng đặc thù của môn thể thao này, BC đã rời xa cuộc sống của người dân thường, nếu SV đại học có thể trải nghiệm cảm giác hồi hộp của các môn thể thao mang tính cạnh tranh thì đó sẽ là một trải nghiệm hiếm có trong đời. Nếu BC muốn phát triển lành mạnh, chắc chắn nó sẽ chuyển từ thuộc tính thi đấu sang thuộc tính giải trí trong tương lai, vì vậy cần phải tìm ra sự cân bằng tốt nhất giữa cả hai.

d. Đi theo con đường tích hợp các giá trị giáo dục khác trong môn GDTC

Tất cả các trường đại học ở khu vực TP.HCM nên đi theo con đường kết hợp thể thao và giáo dục, các trường đại học nên cho phép các vận động viên BC trình độ cao theo học tại trường để thúc đẩy sự phát triển của phong trào BC trong nội bộ các trường đại học. Đề nghị các nhà quản lý quan tâm hơn nữa đến các công tác phát triển phong trào thể thao trường học. Mở rộng các cơ chế thành lập các đội tuyển, câu lạc bộ, trong trường hợp đã có đội tuyển và câu lạc bộ thì tăng cường thêm việc tổ chức các giải thi đấu nội bộ (tuyển nhân tài tham gia) và giao lưu (tăng năng lực chuyên môn và trải nghiệm thi đấu

thành tích cao cho SV). Các nhà quản lý xem xét tuyển dụng các huấn luyện viên, vận động viên BC có kinh nghiệm và thành tích thi đấu cao vào đội ngũ giảng viên, hướng dẫn viên để tăng cường năng lực chuyên môn cho các đội tuyển, câu lạc bộ và phát triển phong trào nội bộ trong các trường đại học khu vực TP.HCM.

e. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện BC và khai thác hết tiềm năng của đội ngũ giảng viên, huấn luyện viên

Địa điểm, dụng cụ, trang thiết bị tập luyện, hỗ trợ,... là những yếu tố không thể thiếu cho sự phát triển của mọi dự án phát triển thể thao, điều kiện ưu việt về địa điểm, dụng cụ và trang thiết bị cũng là một trong những lý do khiến SV lựa chọn tham gia học, tập luyện thể thao thường xuyên hơn. Giáo viên là nguồn nhân lực quan trọng, họ không chỉ là người thực hiện chính chương trình mà còn là người phát triển nguồn tài nguyên trong mọi chương trình GDTC cũng đồng thời là người vận chuyển và đảm bảo tài nguyên vật chất được tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nhằm phát triển hoạt động thể thao nói chung.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hứng thú học, tập môn BC của SV đại học khu vực TP.HCM là do không có thời gian rảnh, thiếu địa điểm tập luyện và thiếu hiểu biết về phương pháp tập luyện. Khuyến nghị cải cách việc giảng dạy BC trong các trường đại học, tăng cường phát triển hoạt động BC trong và giữa các trường đại học, xây dựng các quy định phù hợp với các môn thể thao không chuyên nghiệp để hoạt động thể thao của SV vừa mang tính cạnh tranh vừa mang tính giải trí, đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ cho các hoạt động thể thao nói chung nhằm tạo điều kiện và môi trường phát triển thói quen rèn luyện thể chất của SV.

Tài liệu tham khảo

1. Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
2. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành (2007), *Giáo trình đo lường TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
3. Đinh Văn Lãm, Nguyễn Bình (2000), *Huấn luyện Bóng chuyền*, NXB TDTT Hà Nội.
4. Trịnh Hữu Lộc, Huỳnh Đắc Tiên (2011), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. Peggy Martin (2006), *101 bài tập Bóng chuyền*, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh.